TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13-12-2017
"V/v Tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN –TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Kim Thu.

2. Ông Bùi Minh Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 198/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc: "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2017/QĐXX-ST ngày 22 tháng 11 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị X, sinh năm 1962 *(có mặt)*.

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1962 *(vắng mặt)*.

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2017, nguyên đơn bà Võ Thị X trình bày: Bà ông Nguyễn Hoàng H chung sống với nhau vào năm 1981, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/4/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cải, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt ,dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ đó, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng, nên vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2006 cho đến nay.

Về quan hệ con chung: Bà X xác định có 04 người con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979; Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1985; Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 và Nguyễn Thị K, sinh năm 1992, các con hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Bà X xác định là vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà X xác định là vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ lại vợ chồng.

Bà X yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà X xin được ly hôn với Nguyễn Hoàng H.

Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Võ Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng H: Trong quá trình giải quyết vụ án ông H vắng mặt nên không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn ông Nguyễn Hoàng H cư trú ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về trình tụ thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật thì ông Nguyễn Hoàng H vắng mặt không có lý do mặt dù Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Hoàng H theo đúng trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn bà Võ Thị X yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hoàng H theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hoàng H.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Võ Thị X cho rằng, bà X và ông Nguyễn Hoàng H chung sống với nhau vào năm 1981, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/02/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cải, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, nên vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2006 cho đến nay. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng, do đó bà X cương quyết xin được ly hôn với ông H.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng H, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Toà án tài liệu, chứng minh sự phản đối đó". Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hoàng H không có ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị X cũng như chứng cứ do bà X cung cấp.

Xét về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Võ Thị X và ông Nguyễn Hoàng H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/02/2004 theo quy tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa bà Võ Thị X và ông Nguyễn Hoàng H là hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tạo điều kiện cho vợ chồng bà Võ Thị X và ông Nguyễn Hoàng H hòa giải với nhau nhưng ông H đã vắng mặt không lý do nên không thể hòa giải được. Hơn nữa, bà X và ông H đã ly thân nhau từ năm 2006 cho đến nay không thể hàn gắn, đoàn tụ được với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Võ Thị X và ông Nguyễn Hoàng H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa bà X cương quyết ly hôn với ông H. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị X đối với ông Nguyễn Hoàng H là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những căn cứ trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị X đối với ông Nguyễn Hoàng H.

Về quan hệ con chung: Bà Võ Thị X và ông Nguyễn Hoàng H có 04 người con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979; Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1985; Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 và Nguyễn Thị K, sinh năm 1992, các con hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà X xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Võ Thị X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà X đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006983 ngày 10/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 145, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị X đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng H.

Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị X xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Võ Thị X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Huệ đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006983 ngày 10/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy, bà Võ Thị X đã nộp đủ tiền án phí của vụ án.

Bà Võ Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/12/2017). Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UNBD xã N;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS (Dương).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bình Đảo